

NỘI DUNG

	trang
1. ĐẶT VẤN ĐỀ	2
2. Ý NGHĨA VÀ VAI TRÒ HƯỚNG NGHIỆP	4
2.1. Giới thiệu lịch sử phát triển của hướng nghiệp	4
2.2. Các định nghĩa về hướng nghiệp	6
2.3. Hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học	7
3. HƯỚNG NGHIỆP TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC	9
4. HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HS TH TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI	12
HÀN QUỐC	13
TRUNG QUỐC	14
NHẬT BẢN	16
ANH QUỐC	18
LIÊN XÔ	19

HƯỚNG NGHIỆP VÀ SỰ PHÂN LƯỜNG

HỌC SINH TRUNG HỌC TẠI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

1. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Nhằm tạo một bước chuyển biến mạnh mẽ về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người, đẩy mạnh CNH-HĐH thực hiện chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2001-2010. Tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Nghị quyết đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần IX xác định mục tiêu kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2001-2005 đã ghi rõ nỗ lực phải đạt được về kinh tế và lao động “ *chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng CNH-HĐH ...*”. Đề ra biện pháp “ *Phát huy lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt được trình độ công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam;*”

Về ngành nghề đào tạo và phát triển trong thời gian kế hoạch Nghị quyết cũng đã vạch ra một cách khá cụ thể: “ *đẩy mạnh thủy lợi hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa...Chú trọng công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các làng nghề, chuyển một bộ phận quan trọng nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ...*” “ *phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông thủy sản, may mặc, da giày, một số sản phẩm cơ khí điện tử, công nghệ phần mềm...*” ... “*nâng cao chất lượng ngành dịch vụ thương mại, kể cả thương mại điện tử, hàng không, hàng hải và các loại hình vận tải khác, bưu chính viễn*

thông, du lịch tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, thông tin thị trường...

Như vậy, các ngành nghề sẽ mở ra phong phú, đòi hỏi vừa chuyên sâu vừa đa dạng và hệ thống giáo dục đào tạo phải nhanh chóng đáp ứng, cung cấp kịp thời một nguồn nhân lực năng động. Đặc biệt đi nhanh vào một số ngành lĩnh vực công nghệ hiện đại, công nghệ cao (*tin học, sinh học, vật liệu mới, tự động hóa*).

Từ đó giáo dục hướng nghiệp, một nội dung của giáo dục đào tạo phải đóng vai trò một trong những động lực quan trọng để phát huy nguồn lực con người. “Vốn nhân lực tự có” là một thế mạnh của đất nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển, phục vụ CNH-HĐH.

Thực hiện định hướng chiến lược của Nghị quyết đại hội Đảng CSVN lần thứ IX “ *coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh thiếu niên đi vào lao động nghề nghiệp, phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế...*” , Nhà nước khuyến khích phát triển hệ thống trường lớp dạy nghề, giáo dục chuyên nghiệp, mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, ...quan hệ hợp tác quốc tế.

Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh phát triển ngành nghề đào tạo, chú trọng ngành nghề có công nghệ hiện đại, công nghệ cao đã trở thành yêu cầu bức thiết phải được nghiên cứu, xây dựng chiến lược, kế hoạch và các biện pháp thực hiện. Việc giới thiệu các quan điểm và hình thức thể hiện ý nghĩa hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học trên thế giới, ở một số nước tiên tiến và các nước trong vùng là một sự xem xét cần thiết, góp phần mở rộng tầm nhìn chiến lược và chia sẻ với những nhà giáo dục một cách cụ thể về những khía cạnh của vấn đề hướng nghiệp.

2. Ý NGHĨA VÀ VAI TRÒ HƯỚNG NGHIỆP

2.1 GIỚI THIỆU Ý NGHĨA LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP

Do những đòi hỏi ngày càng bức thiết của nền công nghiệp sản xuất hàng hóa vào cuối thế kỷ thứ XVIII và đầu thế kỷ thứ XIX Ở khía cạnh năng suất lao động, ngành tâm lý học thực nghiệm hình thành một khoa học phân loại cá tính con người và dự đoán xu thế hành vi trong tương lai. Từ đó xuất hiện các hoạt động chẩn đoán tâm lý hướng nghiệp chọn nghề.

Hoạt động chẩn đoán tâm lý, tư vấn hướng nghiệp trở thành một khoa học khi các nhà tâm lý sử dụng “trắc nghiệm” làm phương pháp cơ bản vào cuối thế kỷ thứ 19. Lần đầu tiên giáo sư nhân chủng học và tâm lý học người Anh, Francis GALTON (1822-1911) đã sử dụng kỹ thuật nghiên cứu những khác biệt cá nhân trên cơ sở sử dụng phương pháp thống kê. Năm 1884, một phòng thí nghiệm nhân trắc (đo người) tại cuộc triển lãm Quốc tế về sức khỏe ở Luân Đôn do F.Galton trực tiếp sử dụng các trắc nghiệm tâm lý. Sau đó học trò của Galton là nhà tâm lý học người Mỹ J.MC.Cattell (1860-1944) xuất bản cuốn “các trắc nghiệm và đo lường trí tuệ” 1890 tại New York.

Cũng vào năm 1848, sau sự kiện giáo sư nhân chủng và tâm lý học F. Galton lập phòng thí nghiệm đo lường về thể chất và tâm lý con người tại Luân Đôn, Anh quốc; Tại nước Pháp xuất hiện cuốn sách “ hướng dẫn chọn nghề” nêu vấn đề cần giúp đỡ thanh niên học sinh chọn hướng học hướng nghiệp.

Việc làm này không phải chỉ cần thiết đối với học sinh và thanh niên nói chung mà là một hành động cụ thể khẩn trương của ngành giáo dục và quản lý lao động, đòi hỏi chuẩn bị sử dụng có hiệu quả năng lực lao động của

thế hệ trẻ đáp ứng sự phát triển ngày càng đa dạng, với năng suất cao. Năng suất lao động là một nguồn lợi có tính quyết định trong thế giới cạnh tranh sản xuất hàng hóa thời bấy giờ.

Nhưng phải đợi đến năm 1908, một phòng hướng nghiệp, chọn nghề hoàn chỉnh của Parsons tại Boston (Mỹ) ra đời mới được xem là phòng hướng nghiệp tư vấn nghề và hướng dẫn tuyển chọn nghề đầu tiên trên thế giới. Parsons đã đưa lý thuyết “con người – công việc” vào ứng dụng thực tiễn.

Từ đó, các nhà khoa học đã xây dựng các trắc nghiệm : Trắc nghiệm phát triển trí tuệ của Alfred Binet và bác sĩ Simon; trắc nghiệm hướng nghiệp chọn nghề Gmunsterberg (1910). Hệ số thông minh IQ của V. Stern (1912); Nghiên cứu nhân cách Rorschach với khoa chẩn đoán tâm lý theo phương pháp *phóng ngoại* (Projective Methods -1920). Gần đây các phòng tư vấn hướng nghiệp thường lưu hành :

_ trắc nghiệm Wechsler, _ xét nghiệm nhiều mặt nhân cách;

_ trắc nghiệm tri giác chủ đề H.A. Murray (T.A.T),

_ trắc nghiệm *hãng hụi* Rozenweig;

_ trắc nghiệm theo kiểu *kiểm kê nhân cách* (Personality Inventory),

_ *Kiểm kê nhân cách đa tương* Eysench (E.P.I.) ...

2.2. CÁC ĐỊNH NGHĨA VỀ HƯỚNG NGHIỆP

Tuy vậy trong khoảng thời gian từ giữa thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20 hướng nghiệp được hiểu theo nhiều góc độ khác nhau.

Các nhà giáo dục học cho rằng hướng nghiệp là một hoạt động của các tập thể sư phạm, của các cán bộ cơ quan, nhà máy khác nhau, được tiến hành với mục đích giúp học sinh chọn nghề phù hợp với năng lực, hứng thú, thể chất và các yếu tố tâm sinh lý khác của cá nhân, đồng thời phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội; Họ cho rằng “ *Hướng nghiệp là một bộ phận cấu thành của quá trình giáo dục-học tập trong nhà trường*”.

Các nhà tâm lý học lại cho rằng hướng nghiệp là “*hệ thống các biện pháp tâm lý, sư phạm và y khoa giúp cho thế hệ trẻ chọn nghề phù hợp với nhu cầu xã hội và năng lực cá nhân*”.

Đối với những nhà quản lý nhà nước, cầm giữ luật pháp, hướng nghiệp được hiểu là các biện pháp y học, giáo dục học và tổ chức pháp quyền nhằm xác định cho mọi công dân có nghề, có nơi làm việc.

Về mặt kinh tế hướng nghiệp là mối quan hệ kinh tế giúp cho mỗi thành viên trong xã hội phát triển năng lực lao động và đưa họ vào một lĩnh vực hoạt động cụ thể, phù hợp với việc phân bổ lực lượng lao động xã hội” .

Phòng hướng nghiệp tư vấn và tuyển chọn nghề thực hiện nhiệm vụ:

1. Phân tích nội dung nghề
2. Tập hợp các phương pháp (chủ yếu là test) và các công cụ nghiên cứu
3. Tiến hành tư vấn nghề, tuyển chọn nghề dựa theo kết quả sử dụng các phương pháp nghiên cứu.

2.3. HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC

Trên bình diện quốc gia, mỗi nước quan niệm về hướng nghiệp cũng có phần khác nhau.

Hướng nghiệp trong từ điển tra cứu nghề nghiệp của Mỹ được hiểu là hướng dẫn chọn nghề (*vocational guidance*), một quá trình giúp cho cá nhân tìm hiểu về nghề nghiệp và phẩm chất nhân cách của mình, trên cơ sở đó chọn lấy một nghề phù hợp; là quá trình chuẩn bị cho học sinh đi tìm việc làm, đồng thời giúp họ thành đạt trong nghề nghiệp.

- Hiện nay ở Mỹ có trên 1.200 trung tâm tư vấn hướng nghiệp. Định nghĩa về công tác hướng nghiệp cũng có thay đổi, theo tài liệu của UNESCO 1986 về “*Tổ chức phục vụ giáo dục hướng nghiệp*” (The organisation of education and vocational guidance services”, hướng nghiệp được hiểu là hướng dẫn nghề nghiệp (*career guidance and counseling*) với những quan điểm mở rộng nhấn mạnh ở trình độ khả năng (kỹ năng, trí thức và thái độ) như là sự tự nhận thức và mối quan hệ liên nhân cách với thế giới xung quanh

- Nhật Bản hiểu hướng nghiệp là “hướng dẫn tiền đồ” hướng dẫn học sinh sẽ học lên hoặc vào đời. Hồng Kông coi hướng nghiệp là “phụ đạo nghề”

- Đối với Anh, Pháp, Đức... gọi hướng nghiệp là tư vấn nghề nghiệp. Hàng loạt các trung tâm, phòng, ban hướng nghiệp “tư vấn hướng nghiệp” tuyển chọn nghề được thành lập. Ở các nước này người ta rất coi trọng việc tuyển chọn lao động công nhân kỹ thuật cho các ngành GTVT và các ngành khác, sử dụng các biện pháp tuyển dụng nhân sự thận trọng như là biện pháp

giảm thiểu tai nạn giao thông và tai nạn lao động. 45% tai nạn là do người điều khiển phương tiện lưu thông, sản xuất không phù hợp nghề.

- Đặc biệt ở **Anh**, năm 1910, Luật giáo dục đã đề cập sự cần thiết của giáo dục hướng nghiệp và hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường ngoài xã hội được chính thức đẩy mạnh phát triển. Vào năm 1918 khi Luật Giáo dục được bổ sung, đặt ra vấn đề phải thành lập hệ thống các phòng tư vấn hướng nghiệp, sử dụng các trắc nghiệm tâm lý nghề nghiệp, các cuộc khảo sát để nghiên cứu các yếu tố chủ quan như năng lực, xu hướng thể chất, học lực... và các yếu tố khách quan như hoàn cảnh gia đình, xã hội của học sinh...

- Ở **Thụy Sĩ và Tây đức** công tác hướng nghiệp, tư vấn nghề và tuyển chọn nghề cho học sinh bắt đầu từ 3 hoặc 2 năm cuối cấp phổ thông trung học.

- **Liên Xô** từ thập niên 30 của thế kỷ 20, công tác hướng nghiệp được đặt ra một cách khoa học. Năm 1929, Hội đồng dân ủy Nga ra quyết định phải tiến hành tư vấn nghề và tuyển chọn nghề theo năng lực và xu hướng cá nhân. Đẩy mạnh soạn thảo các tài liệu hướng dẫn công tác hướng nghiệp và tuyển chọn nghề. Các hoạt động này được thực hiện ở phòng thí nghiệm trung tâm hướng nghiệp và tuyển chọn nghề ở Mátcơva, với sự tham gia của các danh nhân *H.X.Khalinhin, H.K.Crúpkaia, R.X Makarenko*. Trong những năm đầu Cách mạng tháng Mười Nga, công tác hướng nghiệp đã đóng vai trò quan trọng, tuyển lựa và phân bổ hợp lý thanh niên vào các trường dạy nghề bên cạnh xí nghiệp.

- Ở **Bungary, Hungari, Balan** công tác hướng nghiệp phát triển mạnh từ năm 1960.

3. HƯỚNG NGHIỆP TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC

Mặc dù hướng nghiệp được hiểu khác nhau nhưng nhìn chung giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường có thể hiểu là một quá trình giới thiệu thế giới nghề nghiệp với học sinh, giúp học sinh hiểu về khả năng nguyện vọng của mình trong hoàn cảnh riêng của mình, hướng về một số lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp, từ đó rèn luyện nhân cách tích cực theo yêu cầu lao động, yêu nghề, tự điều chỉnh mình cho phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp về trí tuệ, về thể chất, về phong cách và lối sống, xu hướng hoạt động tâm sinh lý thích ứng.

Trong trường phổ thông hướng nghiệp là một hình thức giảng dạy của thầy và hoạt động học của trò. Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông thể hiện như một hệ thống tác động sư phạm, của nhà trường đối với học sinh, về phía học sinh thu nhận các thông tin về nghề nghiệp xã hội và thông tin về năng lực hứng thú của mình đối với một số nghề nghiệp trong tương lai.

Tuy vậy tác động của nhà trường định hướng nghề cho học sinh hay sự phân ban, phân luồng của hệ thống giáo dục quốc dân là những yêu cầu chung học sinh cần xem xét khi chọn hướng học, hướng nghề tương lai. Mỗi người là một cá thể không lặp lại, không thể có hai người có thể chất và tâm lý giống nhau hoàn toàn.

Tuy nhiên sự phân luồng, điều phối có tính chiến lược về nhân lực tương lai cho cộng đồng quốc gia phát triển phải hết sức tôn trọng năng lực, xu hướng phát triển của mỗi cá nhân.

Hướng nghiệp trong hệ thống trường lớp, hay rõ hơn, trong hệ thống giáo dục quốc dân của các nước trên thế giới đều vì lợi ích quốc gia và trình độ phát triển kinh tế xã hội đã quy định kết cấu giữa các cấp học và những con

đường học tập khác nhau để phân luồng học sinh theo những con đường khác nhau, đa dạng hóa quá trình giáo dục đào tạo.

Con đường khác nhau thì nhiều nhưng tựu trung bao gồm hai loại:

- *Loại kinh viện*; là những con đường hướng nhiều hơn vào sự chiết trung triết lý trừu tượng bao gồm những kiến thức, những quan niệm có tính hệ thống của những lý thuyết tiếp cận sự vật, hiện tượng.
- *Loại đặc trưng*: Xen kẽ giữa nhà trường và đời sống nghề nghiệp hoặc xã hội, nhằm tận dụng và phát huy tài năng vốn nhân lực của quốc gia mình, phát triển kinh tế xã hội.

Sau cấp học giáo dục cơ sở, học sinh sẽ được điều phối, phân luồng vào những con đường học tập khác nhau căn cứ vào kết quả học tập và các yếu tố về thể chất, xu hướng phát triển tâm sinh lý và hoàn cảnh riêng của mỗi người, trong bối cảnh chung của quốc gia.

Thông thường hướng nghiệp trong hệ thống giáo dục nhà trường tác động khá mạnh mẽ và có tính quyết định vào hướng học tập, hướng nghề nghiệp của học sinh sau cấp học “giáo dục cơ sở”. (có nước phân luồng học sinh rất sớm , sau 3 năm đầu cấp tiểu học.)

Nền giáo dục cơ sở và phổ cập bắt buộc là một bộ phận của hệ thống giáo dục mang tính hướng nghiệp trong đó chú ý đến những kiến thức liên thông lên bậc trên và kiến thức đời sống nghề nghiệp và xã hội, chuẩn bị cho học sinh tốt nghiệp có những hành trang tương đối để học nghề và hành nghề và sau đó có thể trở lại trường tiếp tục học lý thuyết học thực hành ở bậc cao hơn sau 5 năm, 6 năm, 9 năm hay 11 năm.

Từ đó cho thấy, hệ thống giáo dục cũng định hướng cả bậc học trung học trong hướng tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục suốt đời và xã hội học tập là xu thế của giáo dục trên thế giới. Nhiều nước đã có những tổ chức đa dạng hỗ trợ con đường học tập cho cá nhân không đóng cửa trước khả năng quay trở lại vào hệ thống giáo dục, thực hiện sự bình đẳng cơ may hưởng học, hưởng nghiệp đầy đủ ý nghĩa đối với học sinh, công dân tương lai của đất nước.

Cuối cùng khi nói đến hướng nghiệp đi về đâu, phải nói đến những ngành nghề đang đào tạo ở các loại trường dạy nghề chuyên nghiệp và đại học.; hệ thống giáo dục của một quốc gia có tính hướng nghiệp là một hệ thống được thiết kế coi trọng nền giáo dục chuyên nghiệp và đại học, tạo được mối liên kết giữa nghề nghiệp và học tập lên bậc cao.

Nhà nước chủ động thiết kế hệ thống, vì giáo dục là một tài sản cộng đồng mà mọi người đều có thể tiếp cận, có thể nhờ nó mà trưởng thành. Không thể để cho sức mạnh của thị trường tác động nhất thời hay để tự thân hệ thống tự điều tiết được. Giáo dục là nhu cầu sống còn, có thể đóng góp cải thiện số phận từng con người và số phận của nhiều người.

Ở một số nước vấn đề vào đại học đã trở thành cánh cửa chắc lọc khắt khe nâng cao tính tinh hoa quá mức dù cho là nước giàu có nhất, thường để lại hàng triệu học sinh hỏng thi vào đại học trở thành trò chơi của số phận. Xu thế hiện nay của các nhà cầm quyền trên thế giới đã ” mở cửa ” tạo điều kiện cho thanh niên học sinh có chỗ học hành và khám phá, cung cấp các công cụ để tư duy ở bậc đại học. Tính hướng nghiệp và đa dạng ở trường đại học được thể hiện rõ nét ở chức năng chuẩn bị cho sinh viên nghiên cứu và giảng dạy, đào tạo rất chuyên và thích ứng với nhu cầu đời sống kinh tế xã hội.

Mở cửa cho mọi người như một hình thức giáo dục thường xuyên với nghĩa rộng nhất dành cho những người lớn tuổi đang mong mỏi thoả mãn hứng thú nghiên cứu học tập của đời sống văn hóa.

Ở những nước nghèo, con đường vào đại học có một tầm vóc đặc biệt, nhất là ở các nước Đông Á đã thành công. Bên cạnh đại học còn là trung tâm giáo dục kỹ thuật và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương đào tạo những tinh hoa phục vụ xã hội.

4. HƯỚNG NGHIỆP VÀ PHÂN LUỒNG HỌC SINH TRUNG HỌC TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

Trước đây, thế giới có những mô hình giáo dục đáng ghi nhận, như Napoleon nước Pháp xây dựng Grandes Ecoles; nước Đức thành lập hệ thống giáo dục kỹ thuật dạy nghề và các đại học truyền thống. Ở Mỹ, Nhà nước chỉ đạo xây dựng hệ thống giáo dục cao đẳng.

Nhưng từ khi xuất hiện nền văn minh máy tính (điện toán), thiết kế giáo dục có nhiều thay đổi, thay đổi công nghệ truyền đạt kiến thức, tốc độ truyền đạt lý thuyết và kinh nghiệm nhanh hơn, hình thức nhà trường trở nên đa dạng và phương thức học tập cũng có nhiều cách thức khác nhau. Khái niệm giáo dục suốt đời và xã hội học tập ngày càng rõ nét.

Cộng thêm các biến chuyển khác về mặt kinh tế chính trị. Trước mắt lần lượt các nước cùng một khối, một vùng xóa bỏ ranh giới kinh tế (EU, WTO). Giáo dục ngày càng phải mang tính toàn cầu, đồng thời phát huy di sản tinh thần dân tộc, đảm bảo học sinh hiểu biết văn hóa các dân tộc và thể hiện tính tự chủ phi tập trung...

Giáo dục hướng nghiệp cũng theo chiều hướng đó phát triển ngày càng đậm nét thể hiện qua sự phân luồng học sinh bậc trung học.

Sau đây xin điểm qua một số nước trên thế giới:

HÀN QUỐC

Từ năm 1994, đặc biệt từ năm 1996 đã có những chuyển biến lớn trong ngành Giáo dục tập trung đào tạo chuyên môn và tôn trọng nghề nghiệp, dành 5% GNP cho giáo dục. Với chủ trương một nền giáo dục mở, giáo dục cho mọi người, xây dựng một “*xã hội giáo dục sống động và mở cửa*”. Hàn Quốc thành lập một hệ thống giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Ở bậc trung học, học sinh được tự do chuyển từ trường dạy nghề sang và học lên các trường cao đẳng, đại học, và cả viện hàn lâm. Tính hướng nghiệp không phải chỉ thể hiện ở chu trình mà cải cách sâu vào hệ thống giáo dục. Hàn quốc đã thành lập trung tâm giáo trình đánh giá chất lượng giảng dạy, xây dựng chương trình giáo dục đào tạo phong phú, chuyên sâu.

Học sinh có nhiều cơ hội và khả năng lựa chọn. Dành mọi thuận lợi nhất cho học sinh trung học không phân biệt học nghề học chữ trong trường hợp phải chuyển trường, chuyển lớp bằng cách thống nhất một chương trình chuẩn và thành lập một hệ thống ngân hàng tín chỉ, lưu giữ các chứng chỉ của từng học sinh sinh viên trong khóa học.

Bên cạnh nhà trường có hệ thống chuyên viên tư vấn (khả đạo) hướng dẫn giúp đỡ học sinh về việc học tập và hướng đi trong tương lai.

- Ở trung học chương trình rất đa dạng và rộng mở, có chương trình học bán thời gian cho người học vừa lao động vừa học tập.

- Ở Đại học: có một trường Đại học mới là trường dạy nghề bậc cao học 2-4 năm

Hàn Quốc còn thành lập một trung tâm quản lý cơ sở dạy nghề trong xí nghiệp sản xuất và trung tâm đa phương tiên quốc gia tạo mọi điều kiện cho người lao động muốn học tập.

Ngay trong chương trình Đại học cũng giảm 1/4-1/6 chứng chỉ, việc chọn lựa các chứng chỉ học tập đều có các chuyên viên tư vấn giúp đỡ.

Đặc biệt tuyển sinh vào trung học chuyên nghiệp từ năm 1997 đã bỏ chế độ thi viết mà thực hiện nghiêm túc việc xét hồ sơ, phỏng vấn đánh giá khả năng và thái độ, kiểm tra thực hành, mục đích giáo dục nghề nghiệp suốt đời, xây dựng xã hội học tập phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tri thức (trình độ lực lượng LĐSX năm 2000: 50% tốt nghiệp PTTH

15% tốt nghiệp CĐ ĐH)

TRUNG QUỐC:

Tháng 4/1986 tại kỳ họp lần thứ 4 đại biểu nhân dân nước CHNDCH Trung Hoa khóa 6 thông qua luật Giáo dục bắt buộc 9 năm (6 + 3 hoặc 5 +4 tùy từng vùng) đưa tin học và ngoại ngữ vào chương trình kể cả trường cấp 1 (1987: 3000 trường cấp 2, 200 trường cấp 1 có dạy vi tính)

Nỗ lực hướng cho thanh niên đi vào lao động học tập ngành nghề thể hiện trong chương trình hành động Nghị quyết cải cách giáo dục ngày 27/5/1985. *Xây dựng hiện đại hóa XHCN chẳng những phải có những chuyên gia có trình độ KHKT bậc cao mà cấp bách hơn là phải có hàng triệu nhân viên KHKT trung cấp sơ cấp, nhân viên quản lý, CNKT và đội quân lao động ở các nông thôn và thành thị tương đối tốt.*

Năm 1985 Trung quốc có 10 triệu học sinh tốt nghiệp trung học, năm 1990 có 14 triệu, trong đó 40% vào Cao đẳng, 60% vào trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, 0,8 triệu sinh viên Cao đẳng vào Đại học và 2, 5 triệu lao động *học được một nghề* ngoài hệ thống giáo dục chung.

Kế hoạch 5 năm lần thứ bảy (1990), học sinh trung học chuyên nghiệp và trung học nghề lên đến 3 triệu 6, tăng 65% so với năm 1985. Chuyển hướng phân luồng học sinh ngày càng mạnh mẽ và khoa học với 3 loại trường lớp đào tạo kỹ thuật viên:

- *Kỹ thuật viên sơ cấp 3 năm*, đầu vào tốt nghiệp, tiểu học như trường nông dân, trường sơ trung nông nghiệp....
- *Kỹ thuật viên trung cấp, 2-3 năm*, đầu vào học sinh tốt nghiệp sơ trung, như trường cao đẳng kỹ thuật nông nghiệp, trường cao trung dạy nghề
- *Kỹ thuật viên cao cấp: 2-3 năm*, đó là những trường Đại học, trường cao đẳng, trường trung cao chuyên nghiệp. Số học sinh tốt nghiệp trung cao chuyên nghiệp xuất sắc sẽ được tuyển vào đại học (2%).

Giáo dục hướng nghiệp được chú trọng từ những năm học sinh mới vào tiểu học. Đặc biệt quy định phân luồng ở trung học vào những năm sau này. Trung Quốc tập trung bồi dưỡng nhân tài kỹ thuật nghiệp vụ bậc cao theo chương trình hàm chứa 3 nội dung *hướng hiện đại, hướng thế giới và hướng tương lai*. Điều chỉnh tỷ lệ giữa các ngành học :

31% KHXH,

45% quản lý Nhà nước pháp luật....

Trong 8 năm từ năm 1978-1986 đào tạo 47.530.000 sinh viên Cao Đẳng, (tăng hơn 26 năm trước 28.560.000 người)

Chú trọng phát triển Đại học cấp tỉnh nội địa, đại học biên giới, xây dựng đại học trọng điểm. Mở nhiều *khoa mới* theo mô hình Mỹ, Nhật, Liên Xô... khuyến khích nghiên cứu kết hợp nhà trường và phát triển ngành nghề trên từng địa bàn và trên quy mô cả nước.

Bài học kinh nghiệm về công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh ở Trung Quốc là nội dung giáo dục nhấn mạnh hình thành một giá trị xã hội mới. *Con người thành đạt là con người có nhiều công trình đóng góp xây dựng xã hội theo chuyên môn của mình chứ không phải là con người chỉ có bằng cấp học vị .*

NHẬT BẢN

Từ thời Nhật Hoàng đã khẳng định tính hướng nghiệp của nền giáo dục một cách nghiêm túc. Bản học chế được ban hành năm 1872. Một năm sau (1873) toàn nước Nhật có 12.800 trường học và 8 năm sau con số này tăng gấp đôi. Nhật Hoàng xác định: “ Chặng cuối của giáo dục là *thực nghiệp*”.

Từ tiểu học, học sinh được học 4 môn: nhân văn, tự nhiên, *kỹ thuật, nghề nghiệp*. Đặc biệt môn kỹ thuật gồm thủ công, nội trợ, hội họa, thể dục. Môn nghề nghiệp gồm kỹ nghệ, nông nghiệp, thương nghiệp và hướng dẫn

nghề nghiệp (*vocational guidance*). Rõ ràng học sinh tiểu học đã hiểu biết về nghề nghiệp không đợi đến lên bậc trên mới được chỉ dẫn.

Một điểm đáng chú ý trong nền giáo dục Nhật là vấn đề giáo dục kỹ luật. Giáo dục kỹ luật được đặt nặng để xây dựng con người có phong cách và thái độ phù hợp với thế giới công nghiệp phát triển. Những điều luật mà học sinh phải học thuộc nằm lòng được đưa lên hàng “thánh kinh” (*Holy Bible*), dù sau này có giảm mức độ căng thẳng nhưng lúc nào cũng được rèn luyện nêu cao khẩu hiệu:

*tự trị, nghĩa dũng, nhã nhặn,
thân hữu, chánh trực, cần mẫn, lễ độ.*

Không chỉ đào tạo những người quen nghề mà còn xác định đào tạo học sinh thành những người tri thức, những nhân tài kỹ thuật nghiệp vụ cao.

Năm 1947, Luật cải cách giáo dục cưỡng bức học tập 9 năm đối với mọi công dân (6 + 3) 60% lên trung học cấp 2, 10% số đó vào đại học.

Thế mạnh công nghiệp thời bấy giờ là dệt và đúc.

Các đại học chia làm 8 khu vực đại học riêng, mỗi khu vực đại học liên hệ trực tiếp với 32 trường trung học. Mỗi trường trung học có 210 trường tiểu học phụ thuộc. Hướng mạnh vào chiến lược phát triển các vùng đồng đều trên cả nước vào các ngành nghề phù hợp với địa phương.

Học sinh được giáo dục định hướng tương lai khá rõ ràng gắn liền với quê hương và tính hiện đại của thế giới công nghiệp phát triển.. Xây dựng nước Nhật trở thành cường quốc kinh tế sau những thất bại quân sự trong thế chiến.

ANH QUỐC:

Gần 30 triệu dân số lao động trong số 60 triệu dân hằng năm có 3-4 triệu lao động thất nghiệp. Sau những năm 90 của thế kỷ 20, đa số công việc chỉ cần làm bán thời gian dành cho phụ nữ và các lao động văn phòng (white collar occupations). Hiện thị trường lao động khó chấp nhận lao động trẻ lần đầu tiên tìm việc. Do đó, không phải chỉ chú trọng hướng nghiệp trong trường trung học mà còn mở rộng ngành đào tạo kỹ thuật và nghề nghiệp cho lao động trẻ trở thành lao động lành nghề và có thể linh hoạt chuyển đổi nghề.

Vương quốc Anh là Khối hợp nhất, nhưng trách nhiệm giáo dục địa phương (trừ giáo dục đại học) chia làm 4 nước thuộc Vương quốc Anh: nước Anh, Scotland, Wales, Bắc Ai-len. Trên cơ sở pháp luật chung căn cứ Đạo luật giáo dục 1944. Nền Giáo dục Vương quốc Anh bắt buộc học tập cho đến 16 tuổi mới được rời trường nên chính thức giảng dạy các môn học nghề nghiệp.

Ở chương trình trung học bắt buộc (*Compulsory Secondary Education 1 năm*) gồm các môn: *vẽ kỹ thuật, đồ gỗ, đồ sắt thép, kinh tế gia đình*, là kết cấu nổi bật của chương trình học. Vào 2 năm cuối (lớp 10-lớp 11), nhiều trường dạy thêm các môn *kỹ thuật nghiệp vụ văn phòng* cho học sinh như đánh máy chữ, thực hành nghiệp vụ văn phòng, sử dụng máy văn phòng. Đôi khi còn dạy cả *dạng tốc ký*.

Riêng môn đánh máy chữ được coi là một nghề nghiệp hơn là những kỹ năng xã hội phổ thông, nhất là đối với một số nữ sinh ra trường có thể đảm trách ngay chức vụ thư ký đánh máy thành thạo cho một văn phòng làm việc nếu được tuyển.

Đạo luật Giáo dục năm 1973 khuyến khích các nước trong vương quốc (trừ Bắc Ai-len) sắp xếp cho học sinh năm cuối chương trình giáo dục bắt buộc

đi học tập kinh nghiệm sản xuất ở công xưởng. Thường thời gian kéo dài 1-2 tuần hay mỗi tháng 1 ngày.

Tính hướng nghiệp thực tế đến độ gọi là *hướng nghiệp dẫn dắt vào một nghề cụ thể từ sơ cấp đến nâng cao, cao đẳng kỹ thuật nghiệp vụ với hệ thống gọi là further education* (bổ túc thêm, mở rộng, chuyên sâu về nghề nghiệp).

Từ tuổi 16, học xong trung học bắt buộc, hay 2 năm cuối của bậc học này có thể học nghề, học kỹ thuật nghiệp vụ sơ cấp trung cấp và nâng cao, kể cả cao đẳng.

Chế độ học tập ở hệ thống này không bó buộc về thời gia, có thể học theo kiểu toàn thời gian hay bán thời gia, tập trung một giai đoạn ngắn, học theo kiểu “*sandwich*” (bánh mì kẹp thịt ở giữa)...đặc biệt hệ thống này gắn chắc với những yêu cầu của chủ nhà máy và các cơ sở kinh doanh sản xuất dịch vụ trong địa phương được chính quyền địa phương và các cơ quan giáo dục cùng với các chủ doanh nghiệp tham gia thiết kế chương trình.

Nhà nước cũng khuyến khích tư nhân và các đoàn thể các doanh nghiệp đứng ra lập các trường cao đẳng và cung cấp học bổng cho các sinh viên xuất sắc năm thứ nhất.

LIÊN XÔ:

Tháng 10/1918 Bảng quy chế về nhà trường lao động phổ thông thống nhất 9 năm được thông qua chính quyền Xô viết do V.I.Lênin lãnh đạo (5 năm cấp 1, 4 năm cấp 2, từ 8 đến 17 tuổi). Trong nhà trường phổ thông không có dạy nghề nhưng học sinh phải đi giáo dục lao động và giáo dục kỹ thuật tổng hợp bắt buộc.

Nguyên tắc giáo dục kỹ thuật tổng hợp trong nhà trường được thực hiện bằng cách cho học sinh làm quen với những cơ sở khoa học của các ngành sản xuất quan trọng trong quá trình dạy vật lý, hóa học, sinh học và những bộ môn tự nhiên-toán học, trong quá trình đó học sinh nắm được các kỹ năng sử dụng công cụ và tiếp cận đối tượng lao động, từ đó hướng đến một nghề nghiệp sẽ chọn trong tương lai. Quá trình học kỹ thuật tổng hợp, học sinh sẽ nhận thức mối quan hệ giữa tri thức khoa học và lao động sản xuất.

Ngày 30/6/1919 chính quyền Xô viết ban hành sắc lệnh “*vì những biện pháp phổ biến kiến thức kỹ thuật nghề nghiệp*”. Trong đó chỉ ra rằng điều kiện tiên quyết cho cách mạng công nông thắng lợi triệt để là tăng năng xuất lao động và phổ biến hiểu biết kỹ thuật nghề nghiệp cho dân chúng là một biện pháp đúng đắn nhất nhanh nhất.

Ngày 28.1 1920 V.I.Lênin ký sắc lệnh “*về chế độ học tập kỹ thuật- Nghề nghiệp*” quy định *giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp bắt buộc đối với công dân. 18-40 tuổi* (trừ những người được đào tạo ở các trường dạy nghề và cao đẳng kỹ thuật). Lênin đã nhấn mạnh giáo dục nghề nghiệp có quan hệ với tri thức phổ thông và kỹ thuật tổng hợp, dựa trên sự thống nhất giữa học tập và lao động. Từ đó, Liên Xô xây dựng những trường dạy nghề bên cạnh xí nghiệp

2 năm đào tạo CNKT bậc 3 ,4;

2,5 năm-3 năm đào tạo CNKT bậc 5,6;

3-4 năm đào tạo CNKT lành nghề bậc cao, thợ điều chỉnh, kiểm tra

Sau Đại hội Đảng lần XiX, áp dụng giáo dục trung học bắt buộc.

Năm 1954 các trường nghề đã nhận đầu vào là học sinh tối thiểu tốt nghiệp trung học để đào tạo công nhân lành nghề.

Điều đáng lưu ý trong tính hướng nghiệp của hệ thống giáo dục Liên Xô đã đưa đến thành lập loại trường dạy nghề trung học.

Năm 1969 đến năm 1972 *“hoàn thiện tiếp tục hệ thống giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp”*.

Ban chấp hành TW Đảng Liên Xô và Hội đồng bộ trưởng Liên Xô ra Nghị quyết Đại hội lần thứ XXIV mở rộng và củng cố trường trung học dạy nghề. Trong trường trung học dạy nghề: giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp đã kết hợp với nhau, bổ sung và củng cố cho nhau.

Giáo dục hướng nghiệp không chỉ là hoạt động giáo dục ở trường phổ thông mà còn ở trường nghề. Ở các trường nghề giáo dục hướng nghiệp xây dựng lòng yêu nghề và hình thành phẩm chất nhân cách nghề nghiệp, giáo dục nhận thức và thái độ nghề nghiệp qua các môn học lý thuyết, qua thực hành và qua giáo dục ngoại khóa. Một số tác giả như Xadonov A.Đ, Kalughin N.I, Mensicov A.P, Trumatrenko N.G, Kixiliov I.IA... bàn nhiều về hoạt động hướng nghiệp. Các nhà cách mạng dân chủ Nga NA Đơbraliubov R.O Trêrnusevski đã khẳng định rằng những thuộc tính tâm sinh lý, chủ yếu là những thuộc tính tâm lý quy định mức độ phù hợp nghề.

Nhìn chung ,các nước trên thế giới ngày càng đặt nặng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học. Tuy vậy , ở nước ta sự phân luồng trong nền giáo dục quốc dân cần thận trọng nghiên cứu trước khi đề ra các chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo có sự cân đối giữa khối giáo dục phổ thông và khối giáo dục chuyên nghiệp.

